

Netrava NM – Wi-Fi Mesh

Tài liệu thông số kỹ thuật · Mã tài liệu DS-NETRAVANM-VI · Rev. 2026.2 · Phát hành tháng 8/2026 · Bản tiếng Việt

Netrava NM là dòng hệ thống Wi-Fi Mesh của Netrava, gồm 12 phiên bản. Tài liệu này liệt kê đầy đủ thông số điện, môi trường và độ bền dùng cho việc thiết kế hệ thống, đối chiếu khi bảo hành và lập hồ sơ dự án. Các giá trị hiệu năng được đo trong điều kiện phòng thí nghiệm của hãng; hiệu năng thực tế phụ thuộc cấu hình hệ thống.

2. Thông số theo phiên bản

Phiên bản	Mã sản phẩm (P/N)	Số lượng	Chuẩn Wi-Fi	Tốc độ	Băng tần
NM-A18 – bộ 1	NT-NM-A18-1-PACK	1 thiết bị	Wi-Fi 6 (802.11ax)	AX1800 – 1.800 Mbps	2 băng tần: 2,4 GHz / 5 GHz
NM-A18 – bộ 2	NT-NM-A18-2-PACK	Bộ 2 thiết bị	Wi-Fi 6 (802.11ax)	AX1800 – 1.800 Mbps	2 băng tần: 2,4 GHz / 5 GHz
NM-A18 – bộ 3	NT-NM-A18-3-PACK	Bộ 3 thiết bị	Wi-Fi 6 (802.11ax)	AX1800 – 1.800 Mbps	2 băng tần: 2,4 GHz / 5 GHz
NM-A30 – bộ 2	NT-NM-A30-2-PACK	Bộ 2 thiết bị	Wi-Fi 6 (802.11ax)	AX3000 – 3.000 Mbps	2 băng tần: 2,4 GHz / 5 GHz
NM-A30 – bộ 3	NT-NM-A30-3-PACK	Bộ 3 thiết bị	Wi-Fi 6 (802.11ax)	AX3000 – 3.000 Mbps	2 băng tần: 2,4 GHz / 5 GHz
NM-A30 Outdoor – bộ 1	NT-NM-A30-OUTDOOR-1-PACK	1 thiết bị	Wi-Fi 6 (802.11ax)	AX3000 – 3.000 Mbps	2 băng tần: 2,4 GHz / 5 GHz
NM-B50 – bộ 2	NT-NM-B50-2-PACK	Bộ 2 thiết bị	Wi-Fi 7 (802.11be)	BE5000 – 5.000 Mbps	2 băng tần: 2,4 GHz / 5 GHz
NM-B50 – bộ 3	NT-NM-B50-3-PACK	Bộ 3 thiết bị	Wi-Fi 7 (802.11be)	BE5000 – 5.000 Mbps	2 băng tần: 2,4 GHz / 5 GHz
NM-B110 – bộ 2	NT-NM-B110-2-PACK	Bộ 2 thiết bị	Wi-Fi 7 (802.11be)	BE11000 – 11.000 Mbps	3 băng tần: 2,4 GHz / 5 GHz / 6 GHz
NM-B110 – bộ 3	NT-NM-B110-3-PACK	Bộ 3 thiết bị	Wi-Fi 7 (802.11be)	BE11000 – 11.000 Mbps	3 băng tần: 2,4 GHz / 5 GHz / 6 GHz
NM-B220 – bộ 2	NT-NM-B220-2-PACK	Bộ 2 thiết bị	Wi-Fi 7 (802.11be)	BE22000 – 22.000 Mbps	4 băng tần: 2,4 GHz / 5 GHz / 5 GHz / 6 GHz
NM-B220 – bộ 3	NT-NM-B220-3-PACK	Bộ 3 thiết bị	Wi-Fi 7 (802.11be)	BE22000 – 22.000 Mbps	4 băng tần: 2,4 GHz / 5 GHz / 5 GHz / 6 GHz

Phiên bản	Mã sản phẩm (P/N)	Vùng phủ sóng	Cổng mạng mỗi thiết bị	Kết nối backhaul	Số thiết bị kết nối tối đa
NM-A18 – bộ 1	NT-NM-A18-1-PACK	Lên đến 180 m²	2 x 1Gbps	Không dây hoặc có dây (Ethernet)	100
NM-A18 – bộ 2	NT-NM-A18-2-PACK	Lên đến 360 m²	2 x 1Gbps	Không dây hoặc có dây (Ethernet)	200
NM-A18 – bộ 3	NT-NM-A18-3-PACK	Lên đến 540 m²	2 x 1Gbps	Không dây hoặc có dây (Ethernet)	300
NM-A30 – bộ 2	NT-NM-A30-2-PACK	Lên đến 460 m²	3 x 1Gbps	Không dây hoặc có dây (Ethernet)	200
NM-A30 – bộ 3	NT-NM-A30-3-PACK	Lên đến 690 m²	3 x 1Gbps	Không dây hoặc có dây (Ethernet)	300

Phiên bản	Mã sản phẩm (P/N)	Vùng phủ sóng	Cổng mạng mỗi thiết bị	Kết nối backhaul	Số thiết bị kết nối tối đa
NM-A30 Outdoor – bộ 1	NT-NM-A30-OUTDOOR-1-PACK	Lên đến 400 m ²	1 x 1Gbps PoE	Không dây hoặc có dây (Ethernet)	100
NM-B50 – bộ 2	NT-NM-B50-2-PACK	Lên đến 460 m ²	2 x 2.5Gbps	Không dây hoặc có dây (Ethernet)	400
NM-B50 – bộ 3	NT-NM-B50-3-PACK	Lên đến 690 m ²	2 x 2.5Gbps	Không dây hoặc có dây (Ethernet)	600
NM-B110 – bộ 2	NT-NM-B110-2-PACK	Lên đến 560 m ²	4 x 2.5Gbps	Không dây bằng tần riêng hoặc có dây (Ethernet)	400
NM-B110 – bộ 3	NT-NM-B110-3-PACK	Lên đến 840 m ²	4 x 2.5Gbps	Không dây bằng tần riêng hoặc có dây (Ethernet)	600
NM-B220 – bộ 2	NT-NM-B220-2-PACK	Lên đến 640 m ²	2 x 10Gbps + 2 x 2.5Gbps	Không dây bằng tần riêng hoặc có dây (Ethernet)	400
NM-B220 – bộ 3	NT-NM-B220-3-PACK	Lên đến 960 m ²	2 x 10Gbps + 2 x 2.5Gbps	Không dây bằng tần riêng hoặc có dây (Ethernet)	600

Phiên bản	Mã sản phẩm (P/N)	Công suất tiêu thụ mỗi thiết bị	CPU	Nhiệt độ hoạt động	Kích thước mỗi thiết bị
NM-A18 – bộ 1	NT-NM-A18-1-PACK	≤ 7 W	Bốn nhân 1,0 GHz	0–40 °C	120 x 120 x 140 mm
NM-A18 – bộ 2	NT-NM-A18-2-PACK	≤ 7 W	Bốn nhân 1,0 GHz	0–40 °C	120 x 120 x 140 mm
NM-A18 – bộ 3	NT-NM-A18-3-PACK	≤ 7 W	Bốn nhân 1,0 GHz	0–40 °C	120 x 120 x 140 mm
NM-A30 – bộ 2	NT-NM-A30-2-PACK	≤ 9 W	Bốn nhân 1,0 GHz	0–40 °C	120 x 120 x 140 mm
NM-A30 – bộ 3	NT-NM-A30-3-PACK	≤ 9 W	Bốn nhân 1,0 GHz	0–40 °C	120 x 120 x 140 mm
NM-A30 Outdoor – bộ 1	NT-NM-A30-OUTDOOR-1-PACK	≤ 9 W	Bốn nhân 1,0 GHz	-20–50 °C	120 x 120 x 140 mm
NM-B50 – bộ 2	NT-NM-B50-2-PACK	≤ 11 W	Bốn nhân 1,7 GHz	0–40 °C	120 x 120 x 140 mm
NM-B50 – bộ 3	NT-NM-B50-3-PACK	≤ 11 W	Bốn nhân 1,7 GHz	0–40 °C	120 x 120 x 140 mm
NM-B110 – bộ 2	NT-NM-B110-2-PACK	≤ 17 W	Bốn nhân 1,7 GHz	0–40 °C	130 x 130 x 155 mm
NM-B110 – bộ 3	NT-NM-B110-3-PACK	≤ 17 W	Bốn nhân 1,7 GHz	0–40 °C	130 x 130 x 155 mm
NM-B220 – bộ 2	NT-NM-B220-2-PACK	≤ 28 W	Bốn nhân 1,7 GHz	0–40 °C	140 x 140 x 170 mm
NM-B220 – bộ 3	NT-NM-B220-3-PACK	≤ 28 W	Bốn nhân 1,7 GHz	0–40 °C	140 x 140 x 170 mm

3. Chứng nhận và tuân thủ

CE, FCC, RoHS, Hợp quy QCVN 112:2017/BTTTT

4. Bảo hành

Bảo hành 36 tháng theo tem và hóa đơn, tiếp nhận tại Trung tâm Bảo hành Máy tính Sông Giả, số 17 đường Bến Giả, phường Bến Giả, TP. Giả. Không bảo hành khi tem niêm phong rách, sản phẩm cháy nổ do nguồn điện hoặc vào nước.